



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ III NĂM 2023

Đà Nẵng, tháng 10 năm 2023



Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2023

Mẫu B 01a – DN/HN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (30/09/2023)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2023)
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.760.137.361.527	1.602.874.533.011
I. Tiền	110		146.494.612.270	24.500.930.736
1 . Tiền	111	V.1	19.433.278.535	17.500.930.736
2 . Các khoản tương đương tiền	112		127.061.333.735	7.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		279.334.478.495	139.255.000.000
1 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	279.334.478.495	139.255.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		513.794.623.937	460.474.879.436
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	492.525.573.389	447.460.848.580
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		19.578.779.149	13.934.866.168
3 . Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	1.757.145.000	2.751.260.000
4 . Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	5.643.115.745	4.054.277.249
5 . Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137		(5.709.989.346)	(7.726.372.561)
IV. Hàng tồn kho	140		688.630.567.548	934.557.972.407
1 . Hàng tồn kho	141	V.5	700.691.283.841	987.079.062.487
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(12.060.716.293)	(52.521.090.080)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		131.883.079.277	44.085.750.432
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	11.303.091.174	9.128.137.752
2 . Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.12	120.549.367.775	34.953.346.976
3 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	30.620.328	4.265.704

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (30/09/2023)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2023)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		730.978.289.914	791.788.014.279
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.235.818.045	10.651.446.545
1 . Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4	5.857.150.000	7.614.280.000
2 . Phải thu dài hạn khác	216	V.4	3.378.668.045	3.037.166.545
II. Tài sản cố định	220		660.449.272.508	702.843.197.952
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	658.539.259.733	700.375.819.420
- Nguyên giá	222		2.021.124.636.485	1.984.326.610.724
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.362.585.376.752)	(1.283.950.791.304)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.7	1.910.012.775	2.467.378.532
- Nguyên giá	228		12.628.289.322	12.593.614.322
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(10.718.276.547)	(10.126.235.790)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		369.781.091	13.816.482.196
1 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	369.781.091	13.816.482.196
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	17.765.377.502	16.359.634.355
1 . Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		16.815.354.153	15.409.611.006
2 . Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.755.702.000	7.755.702.000
3 . Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(6.805.678.651)	(6.805.678.651)
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.9	43.158.040.768	48.117.253.231
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261		41.501.671.235	41.043.750.562
2 . Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.656.369.533	7.073.502.669
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.491.115.651.441	2.394.662.547.290

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (30/09/2023)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2023)
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.609.969.968.413	1.510.140.242.880
I. Nợ ngắn hạn	310		1.362.647.293.149	1.236.578.952.675
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	176.755.440.453	247.458.763.604
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.474.808.994	13.225.730.141
3 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.11	71.154.055.865	34.928.852.934
4 . Phải trả người lao động	314		302.800.011.069	311.860.046.804
5 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	9.139.475.506	5.896.536.953
6 . Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		412.425.187	-
7 . Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	28.602.192.918	24.333.865.250
8 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	682.370.737.817	530.686.157.557
9 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	81.938.145.340	68.188.999.432
II. Nợ dài hạn	330		247.322.675.264	273.561.290.205
1 . Người mua trả tiền trước dài hạn	332		2.836.137.532	4.882.461.916
2 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	244.486.537.732	268.678.828.289
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		881.145.683.028	884.522.304.410
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	881.145.683.028	884.522.304.410
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411		360.027.080.000	300.030.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		360.027.080.000	300.030.750.000
2 . Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.300.280.000	1.752.940.000
3 . Quỹ đầu tư phát triển	418		206.579.950.294	178.026.784.321
4 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		270.923.375.752	362.110.088.453
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		130.217.361.690	98.761.374.269
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		140.706.014.062	263.348.714.184
5 . Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		40.314.996.982	42.601.741.636
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.491.115.651.441	2.394.662.547.290

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 10 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phạm Anh Thảo

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Tường Long

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hải

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

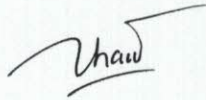
Mẫu B 02a – DN/HN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

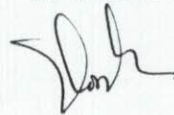
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			năm 2023	năm 2022	năm 2023	năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.270.004.963.098	1.388.616.693.590	3.582.086.236.072	3.976.413.613.210
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		115.377.473	90.094.347	2.269.197.970	200.584.206
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 02)	10		1.269.889.585.625	1.388.526.599.243	3.579.817.038.102	3.976.213.029.004
4. Giá vốn hàng bán	11		1.128.157.156.928	1.227.235.558.957	3.235.943.275.102	3.511.002.894.370
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		141.732.428.697	161.291.040.286	343.873.763.000	465.210.134.634
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	17.718.199.131	17.774.641.999	54.583.677.159	48.230.131.942
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	18.000.998.038	14.068.326.832	48.926.665.124	38.212.595.567
<i>Trong đó: Lãi vay phải trả</i>	23		9.187.484.885	5.803.028.805	27.714.861.266	15.571.473.413
8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết	24		222.817.555	(81.768.974)	2.048.543.147	828.537.545
9. Chi phí bán hàng	25	VI.4	24.408.499.002	33.757.180.294	63.256.333.689	103.800.957.794
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	42.998.543.970	40.958.244.453	114.823.182.257	115.256.094.101
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20+(21 - 22)+24-(25 + 26)]	30		74.265.404.373	90.200.161.732	173.499.802.236	256.999.156.659
12. Thu nhập khác	31	VI.6	740.223.333	844.063.754	6.499.814.978	4.804.685.075
13. Chi phí khác	32	VI.7	369.099.638	325.241.916	5.249.403.496	1.034.099.338
14. Lợi nhuận khác 40 = (31 - 32)	40		371.123.695	518.821.838	1.250.411.482	3.770.585.737
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		74.636.528.068	90.718.983.570	174.750.213.718	260.769.742.396
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		13.986.978.492	17.757.832.328	28.210.532.848	46.610.646.940
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1.086.767.293	-	5.417.133.136	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50-51-52)	60		59.562.782.283	72.961.151.242	141.122.547.734	214.159.095.456
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		58.899.384.946	71.531.758.499	140.706.014.062	204.899.998.190
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		663.397.337	1.429.392.743	416.533.672	9.259.097.266
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-	3.825	5.220
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-	-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Anh Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tường Long

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 10 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hải

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/09/2023	Kỳ tài chính từ 01/01/2022 đến 30/09/2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		174.750.213.718	260.769.742.396
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		93.267.132.557	95.379.438.326
- Các khoản dự phòng	03		(42.476.757.002)	200.897.497
- Lỗ/ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		6.203.575.603	12.304.206.988
- Lỗ/ (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(9.801.436.389)	(6.152.306.249)
- Chi phí lãi vay	06		27.714.861.266	15.571.473.413
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động (08 = 01+02+03+04+05+06)	08		249.657.589.753	378.073.452.371
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(133.045.640.080)	(59.261.502.281)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		286.387.778.646	71.797.737.035
- Tăng, giảm các khoản phải trả(không kể lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		(17.212.910.367)	(18.086.919.839)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.698.581.934)	(7.872.878.474)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(28.116.090.025)	(15.925.971.606)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(35.496.931.734)	(23.508.311.104)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		21.639.419	69.585.948
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(8.801.400.627)	(10.066.324.387)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		310.695.453.051	315.218.867.663

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 (Tiếp theo)

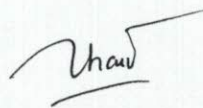
Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/09/2023	Kỳ tài chính từ 01/01/2022 đến 30/09/2022
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(55.779.513.573)	(125.210.964.763)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		315.626.873	836.667.508
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(226.334.478.495)	(179.382.440.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		89.006.245.000	72.596.500.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, và lợi nhuận được chia	27		5.860.958.761	4.506.413.115
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(186.931.161.434)	(226.653.824.140)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		2.750.715.150.153	2.998.503.476.640
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.632.068.023.586)	(2.981.263.045.813)
3. Cổ tức, lợi tức đã trả cho chủ sở hữu	36		(120.417.736.650)	(26.023.049.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.770.610.083)	(8.782.618.173)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		121.993.681.534	79.782.425.350
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		24.500.930.736	58.586.417.754
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	146.494.612.270	138.368.843.104


Đà Nẵng, Ngày 20 tháng 10 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Anh Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tường Long

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hải

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“ Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, trong đó Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ 61,87% vốn. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm sợi, may mặc

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi, chi khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.
- Sản xuất, buôn bán các sản phẩm cơ khí.
- Cho thuê tài sản cố định và máy móc thiết bị.
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, siêu thị, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Gia công kết cấu khung nhà thép các loại, gia công chế tạo, lắp đặt hệ thống thông gió, hệ thống áp lực các loại.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Số liệu báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày trên đây đã được hợp nhất số liệu của Tổng công ty và các công ty con trong toàn tập đoàn, bao gồm:

- Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
- Công ty Cổ phần Thời Trang Hòa Thọ
- Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Hội An
- Công ty Cổ phần may Hòa Thọ Duy Xuyên
- Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ Thăng Bình
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây Dựng Hòa Thọ

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

2. Đơn vị tiền tệ kế toán:

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VNĐ”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Tổng công ty và các công ty con áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính. Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam:

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. Các Chính sách kế toán áp dụng:

1. Cơ sở hợp nhất:

1.1. Công ty con:

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của Công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

1.2. Lợi ích cổ đông không kiểm soát:

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

1.3. Công ty liên kết:

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

1.4. Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất:

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng công ty tại các công ty liên kết này.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày đầu tư, được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiêu ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có những bằng chứng xác định là các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc bao gồm tất cả chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính chi cho việc tiêu thụ chúng. Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận Tài sản cố định:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định, và phù hợp với thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính, thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	10 – 25 năm.
- Máy móc và thiết bị:	5 – 15 năm.
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn:	5 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý:	3 – 5 năm.
- Tài sản khác:	2 – 5 năm.
- Phần mềm máy tính:	3 – 5 năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn:

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế phát sinh nhưng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn là công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 10 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải người bán và các khoản phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính:

* Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có các yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi lại các khoản thu, chi có liên quan hoặc hàng hóa có thể bị trả lại.

* Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành dịch vụ vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

* Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu hồi được lợi ích kinh tế từ khi giao dịch đó.

10. Chính sách thuế và các lệ phí nộp ngân sách Nhà nước mà Tổng Công ty đang thực hiện:

- Thuế giá trị gia tăng, áp dụng mức:
 - Thuế suất 0%: áp dụng cho gia công hàng may mặc xuất khẩu, sợi xuất khẩu
 - Thuế suất 5%: áp dụng cho việc bán bông phế.
 - Thuế suất 8%: áp dụng cho các hàng hóa, dịch vụ theo quy định của Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023.
 - Thuế suất 10%: áp dụng cho việc bán phế liệu ngành may, xơ phế; các loại sản phẩm, hàng hóa, nguyên vật liệu.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất hiện hành 20%
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân đối kế toán:

1. Tiền và các khoản tương đương tiền:

	<u>30/09/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Tiền mặt tại quỹ	206.714.809	167.344.719
_ VND	206.714.809	167.344.719
Tiền gửi ngân hàng	19.226.563.726	17.333.586.017
_ VND	12.347.454.332	12.017.258.814
_ USD	6.879.109.394	5.316.327.203
Tương đương tiền	127.061.333.735	7.000.000.000
Cộng	<u>146.494.612.270</u>	<u>24.500.930.736</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính:

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

	<u>30/09/2023</u>		<u>01/01/2023</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	279.334.478.495	279.334.478.495	139.255.000.000	139.255.000.000
Cộng	<u>279.334.478.495</u>	<u>279.334.478.495</u>	<u>139.255.000.000</u>	<u>139.255.000.000</u>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

	30/09/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Lãi / lỗ được chia từ công ty liên kết	Giá gốc	Lãi / lỗ được chia từ công ty liên kết
Công ty Cổ phần may Hòa Thọ Phú Ninh	4.000.000.000	(2.774.053.958)	4.000.000.000	(3.436.524.490)
Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam	6.428.000.000	9.161.408.111	6.428.000.000	8.418.135.496
Cộng	10.428.000.000	6.387.354.153	10.428.000.000	4.981.611.006

*** Đầu tư vào đơn vị khác**

	30/09/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần Bông Miền Trung	855.702.000	(505.678.651)	855.702.000	(505.678.651)
Công ty Cổ phần bao bì Hòa thọ Quảng Đà	600.000.000	-	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP HCM	6.300.000.000	(6.300.000.000)	6.300.000.000	(6.300.000.000)
Cộng	7.755.702.000	(6.805.678.651)	7.755.702.000	(6.805.678.651)

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***c) Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:**

	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022
Công ty liên kết - Công ty CP may Hòa Thọ Quảng Nam		
Bán hàng hóa và dịch vụ	277.798.812	289.323.697
Mua hàng hóa và dịch vụ	67.173.099.670	76.142.716.944
Công ty liên kết - Công ty CP may Hòa Thọ Phú Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.226.871.200	1.785.705.129
Mua hàng hóa và dịch vụ	68.707.329.439	64.515.980.284
Công ty mẹ - Tập Đoàn Dệt May Việt Nam		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.440.335.806	1.795.303.278
Mua hàng hóa và dịch vụ	22.798.399.400	16.078.738.419

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng:**a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn :**

	30/09/2023	01/01/2023
<i>MOTIVES INTERNATIONAL (HONG KONG) LIMITED</i>	191.274.045.286	139.903.797.596
<i>HAGGAR CLOTHING CO.</i>	98.518.172.562	91.560.398.308
<i>Các khách hàng khác</i>	202.733.355.541	215.996.652.676
Tổng cộng	492.525.573.389	447.460.848.580

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:

	30/09/2023	01/01/2023
<i>Công ty CP May Hòa Thọ Phú Ninh</i>	216.158.500	-
<i>Tập Đoàn Dệt May Việt Nam</i>	61.011.026	159.181.030
Tổng cộng	277.169.526	159.181.030

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***4. Các khoản phải thu khác:****a, Phải thu ngắn hạn khác:**

	30/09/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
CBCNV tạm ứng	1.856.376.146	-	1.107.894.840	-
Ký cược, ký quỹ	272.043.000	-	104.481.000	-
Phải thu khác	3.514.696.599	-	2.841.901.409	-
Cộng	5.643.115.745	-	4.054.277.249	-

b, Phải thu dài hạn khác:

	30/09/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Kí quỹ bảo đảm đầu tư dự án "Đầu tư xây dựng Nhà Máy May Triệu Phong"	2.450.000.000	-	2.450.000.000	-
- Đặt cọc tiền thuê mặt bằng	928.668.045	-	587.166.545	-
Cộng	3.378.668.045	-	3.037.166.545	-

c, Phải thu về cho vay ngắn hạn:

	30/09/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty Cổ Phần May Hòa Thọ Phú Ninh	1.757.145.000	-	2.342.860.000	-
- Các bên khác	-	-	408.400.000	-
Cộng	1.757.145.000	-	2.751.260.000	-

d, Phải thu về cho vay dài hạn:

	30/09/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty Cổ Phần May Hòa Thọ Phú Ninh	5.857.150.000	-	7.028.580.000	-
- Các bên khác	-	-	585.700.000	-
Cộng	5.857.150.000	-	7.614.280.000	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

5. Hàng tồn kho:

	30/09/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	57.520.651.683	(4.022.010.507)
Nguyên vật liệu	269.317.581.768	(8.848.198.735)	293.527.557.391	(34.039.865.021)
Công cụ dụng cụ	2.887.905.156	-	508.599.016	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	373.756.900.956	(1.268.432.209)	416.214.620.311	(4.356.132.106)
Thành phẩm	43.897.491.600	(1.507.522.001)	54.011.314.325	(9.657.502.023)
Hàng hóa	4.943.159.952	(436.563.348)	6.259.266.067	(445.580.423)
Hàng gửi đi bán	5.888.244.409	-	159.037.053.694	-
Cộng	700.691.283.841	(12.060.716.293)	987.079.062.487	(52.521.090.080)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Tài sản cố định hữu hình:

Nhóm	Nhà cửa kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Chi tiêu						
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư tại ngày 01/01/2023	468.086.301.287	1.316.153.913.583	87.471.651.025	9.536.080.162	103.078.664.667	1.984.326.610.724
Mua mới trong năm	991.275.634	5.937.602.106	1.977.822.043	181.085.064	572.413.154	9.660.198.001
Chuyển từ XDCB dở dang	91.746.546	41.003.569.910	17.309.817	-	-	41.112.626.273
Phân loại lại tài sản	(1.812.332.071)	2.038.695.707	-	-	(226.363.636)	-
Thanh lý	-	(12.129.479.537)	(1.006.443.783)	-	(838.875.193)	(13.974.798.513)
Số dư tại ngày 30/09/2023	467.356.991.396	1.353.004.301.769	88.460.339.102	9.717.165.226	102.585.838.992	2.021.124.636.485
Giá trị đã hao mòn						
Số dư tại ngày 01/01/2023	199.043.420.649	942.321.345.190	47.533.822.535	7.785.939.029	87.266.263.901	1.283.950.791.304
Khấu hao trong kỳ	18.241.619.877	62.796.774.751	6.449.014.780	497.484.074	4.624.490.479	92.609.383.961
Phân loại lại tài sản	(1.923.627.517)	2.038.695.707	-	-	(115.068.190)	-
Thanh lý	-	(12.129.479.537)	(1.006.443.783)	-	(838.875.193)	(13.974.798.513)
Số dư tại ngày 30/09/2023	215.361.413.009	995.027.336.111	52.976.393.532	8.283.423.103	90.936.810.997	1.362.585.376.752
Giá trị còn lại						
Số dư tại ngày 01/01/2023	269.042.880.638	373.832.568.393	39.937.828.490	1.750.141.133	15.812.400.766	700.375.819.420
Số dư tại ngày 30/09/2023	251.995.578.387	357.976.965.658	35.483.945.570	1.433.742.123	11.649.027.995	658.539.259.733

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 09 năm 203 có các tài sản có nguyên giá 857.627 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Tài sản cố định vô hình:**

	Phần mềm
Nguyên giá	
Số dư tại ngày 01/01/2023	12.593.614.322
Tăng trong kỳ	34.675.000
Giảm trong kỳ	-
Số dư tại ngày 30/09/2023	<u>12.628.289.322</u>
Khấu hao	
Số dư tại ngày 01/01/2023	10.126.235.790
Tăng trong kỳ	592.040.757
Giảm trong kỳ	-
Số dư tại ngày 30/09/2023	<u>10.718.276.547</u>
Giá trị còn lại	
Số dư tại ngày 01/01/2023	2.467.378.532
Số dư tại ngày 30/09/2023	<u>1.910.012.775</u>

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 09 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 8.371 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	<u>30/09/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
+ Đầu tư dự án nhà máy Triệu Phong - GD 3	88.117.455	-
+ Đầu tư thiết bị nhà máy sợi	-	13.367.742.196
+ Các công trình khác	281.663.636	448.740.000
Cộng	<u>369.781.091</u>	<u>13.816.482.196</u>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Chi phí trả trước:**

	30/09/2023	01/01/2023
a. Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	11.303.091.174	9.128.137.752
b. Dài hạn:		
Chi phí trả trước dài hạn là công cụ không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ	41.501.671.235	41.043.750.562
Cộng	52.804.762.409	50.171.888.314

10. Phải trả người bán ngắn hạn:

- *Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn:*

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/09/2023	01/01/2023
HULTAFORS GROUP AB	27.754.197.712	41.205.311.087
Các nhà cung cấp khác	149.001.242.741	206.253.452.517
	176.755.440.453	247.458.763.604

*** Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/09/2023	01/01/2023
- Công ty CP may Hòa Thọ Phú Ninh	1.599.654.238	-
- Tập đoàn Dệt May Việt Nam	8.903.102.108	5.023.685.489
- Công ty Cổ phần may Hoà Thọ Quảng Nam	5.406.024.315	18.462.790.590
Tổng cộng	15.908.780.661	23.486.476.079

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp nhà nước:

a, Thuế và các khoản phải thu nhà nước:

	01/01/2023	Số phát sinh	Số thực nộp	Số bù trừ với thuế phải trả	khác	30/09/2023
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	16.236.531	-	-	16.236.531
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	10.118.093	-	-	10.118.093
Các loại thuế khác	4.265.704	-	-	-	-	4.265.704
Cộng	4.265.704	-	26.354.624,00	-	-	30.620.328

b, Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

	01/01/2023	Số phát sinh	Số thực nộp	Số bù trừ với thuế phải thu	khác	30/09/2023
Thuế GTGT bán hàng nội địa	3.766.804.205	86.336.601.084	(14.907.929.117)	(31.818.916.177)	-	43.376.559.995
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	14.362.903.117	(14.362.903.117)	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	56.980.038	3.140.912.192	(3.191.966.819)	-	-	5.925.411
Thuế thu nhập DN	30.336.893.961	28.210.532.848	(35.496.931.734)	-	-	23.050.495.075
Thuế thu nhập cá nhân	768.174.730	8.207.923.229	(8.707.185.376)	-	-	268.912.583
Các loại thuế khác	-	4.894.102.551	(441.939.750)	-	-	4.452.162.801
Cộng	34.928.852.934	145.152.975.021	(77.108.855.913)	(31.818.916.177)	-	71.154.055.865

c, Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ:

	01/01/2023	Số phát sinh	Số đã được hoàn	Số bù trừ với thuế phải trả	khác	30/09/2023
Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ	34.953.346.976	159.377.163.227	(41.952.949.784)	(31.818.916.177)	(9.276.467)	120.549.367.775
Cộng	34.953.346.976	159.377.163.227	(41.952.949.784)	(31.818.916.177)	(9.276.467)	120.549.367.775

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Chi phí phải trả ngắn hạn:**

	30/09/2023	01/01/2023
<i>Chi phí trích trước DDP, giám sát, thuê, in (VP)</i>	214.825.593	1.922.413.784
<i>Chi phí lãi vay</i>	22.301.093	423.529.852
<i>Chi phí thuê đất</i>	3.003.156.834	-
<i>Trích trước chi phí hoa hồng, VC, THC, bảo hiểm (NMS)</i>	3.144.958.701	2.748.208.017
<i>Trích trước chi phí tiền điện, nước, thùng, thực phẩm, hoa hồng (đơn vị may)</i>	2.747.490.271	769.365.300
<i>Các chi phí khác</i>	6.743.014	33.020.000
Cộng	9.139.475.506	5.896.536.953

13. Phải trả ngắn hạn khác:

	30/09/2023	01/01/2023
<i>Kinh phí công đoàn</i>	19.089.556.429	15.626.312.053
<i>Lãi cổ tức phải trả</i>	1.269.545.950	1.132.452.600
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	8.243.090.539	7.575.100.597
Cộng	28.602.192.918	24.333.865.250

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Vay và nợ thuê tài chính:

a, Vay ngắn hạn:

	30/09/2023	Phát sinh trong kỳ		01/01/2023
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng 1	30.781.280.720	135.483.499.910	126.522.841.979	21.820.622.789
+ Ngân hàng 2	127.027.231.037	388.187.854.937	319.777.520.620	58.616.896.720
+ Ngân hàng 3	-	213.263.760.522	213.263.760.522	-
+ Ngân hàng 4	-	-	44.392.085.507	44.392.085.507
+ Ngân hàng 5	401.682.224.609	1.777.134.999.969	1.690.635.130.488	315.182.355.128
+ Ngân hàng 6	26.697.191.408	96.707.642.251	70.010.450.843	-
+ Ngân hàng 7	82.013.609.060	149.132.233.532	115.493.910.165	48.375.285.693
+ Ban liên lạc hưu trí	270.000.000	-	30.000.000	300.000.000
Cộng	668.471.536.834	2.759.909.991.121	2.580.125.700.124	488.687.245.837

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

b, Vay dài hạn:

	30/09/2023	Phát sinh trong kỳ		01/01/2023
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng 1	29.183.298.655	65.543.317	22.303.481.984	51.421.237.322
+ Ngân hàng 2	5.000.000.000	-	5.000.000.000	10.000.000.000
+ Tập đoàn DMVN (Dự án ADB)	208.133.239.077	7.359.801.271	3.694.153.161	204.467.590.967
+ Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam	2.170.000.000	-	620.000.000	2.790.000.000
Cộng	244.486.537.732	7.425.344.588	31.617.635.145	268.678.828.289

c, Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng:

	30/09/2023	Phát sinh trong kỳ		01/01/2023
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Các khoản vay dài hạn hoàn trả trong vòng 12 tháng	13.899.200.983	18.279.576.899	46.379.287.636	41.998.911.720
Cộng	13.899.200.983	18.279.576.899	46.379.287.636	41.998.911.720

Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, hàng tồn kho, và tài sản cố định của Tổng công ty và các công ty con.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu:

a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2022	236.250.000.000	140.963.518.580	234.646.810.143	1.176.340.000	40.761.999.959	653.798.668.682
- Tăng vốn trong năm	63.780.750.000	-	(64.357.350.000)	576.600.000	-	-
- Phân bổ vào các quỹ	-	37.063.265.741	(37.063.265.741)	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	263.348.714.184	-	4.721.137.906	268.069.852.090
- Cổ tức	-	-	(23.625.000.000)	-	(2.551.000.000)	(26.176.000.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(10.839.820.133)	-	(330.396.229)	(11.170.216.362)
Số dư tại ngày 31/12/2022	300.030.750.000	178.026.784.321	362.110.088.453	1.752.940.000	42.601.741.636	884.522.304.410
Số dư tại ngày 01/01/2023	300.030.750.000	178.026.784.321	362.110.088.453	1.752.940.000	42.601.741.636	884.522.304.410
- Tăng vốn trong năm	59.996.330.000	-	(61.543.670.000)	1.547.340.000	-	-
- Phân bổ vào các quỹ	-	28.553.165.973	(28.553.165.973)	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	140.706.014.062	-	416.533.672	141.122.547.734
- Cổ tức	-	-	(120.012.300.000)	-	(1.957.962.000)	(121.970.262.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(21.783.590.790)	-	(745.316.326)	(22.528.907.116)
Số dư tại ngày 30/09/2023	360.027.080.000	206.579.950.294	270.923.375.752	3.300.280.000	40.314.996.982	881.145.683.028

b, Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/09/2023	01/01/2023
Vốn góp của Tập đoàn Dệt may Việt Nam	222.742.050.000	185.618.380.000
Vốn góp của các đối tượng khác	137.285.030.000	114.412.370.000
Cộng	360.027.080.000	300.030.750.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

c, Cổ phiếu:

	<u>30/09/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.002.708	30.003.075
- Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	30.003.075
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.002.708	30.003.075
- Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	30.003.075
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

16. Quỹ khen thưởng phúc lợi:

	<u>Quỹ khen thưởng phúc lợi</u>
Số dư tại ngày 01/01/2023	68.188.999.432
Trích lập trong năm từ lợi nhuận thuần	22.528.907.116
Tăng khác trong kỳ	21.639.419
Sử dụng trong kỳ	(8.801.400.627)
Số dư tại ngày 30/09/2023	81.938.145.340

17. Các yếu tố ngoài bảng cân đối kế toán:

• **Ngoại tệ các loại:**

	30/09/2023		01/01/2023	
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VNĐ</u>
USD	292.035,87	6.879.109.394	227.195,66	5.316.327.203

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

a, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022
+ Doanh thu bán hàng và gia công hàng may mặc	3.574.120.616.924	3.970.520.504.716
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	7.965.619.148	5.893.108.494
Cộng	3.582.086.236.072	3.976.413.613.210

b, Các khoản giảm trừ doanh thu:

	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022
Chiết khấu thương mại	1.821.604.478	-
Giảm giá hàng bán	66.568.886	-
Hàng bán bị trả lại	381.024.606	200.584.206
Cộng	2.269.197.970	200.584.206

2. Giá vốn hàng bán:

	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022
Giá vốn bán hàng và gia công hàng may mặc	3.273.407.361.442	3.509.178.394.468
Giá vốn dịch vụ khác	2.996.287.447	2.035.892.312
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(40.460.373.787)	(211.392.410)
Cộng	3.235.943.275.102	3.511.002.894.370

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***3. Doanh thu hoạt động tài chính:**

	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, tiền ứng trước	7.269.266.369	4.338.413.115
Chiết khấu thanh toán	18.152.200	4.778.015
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	47.128.258.590	43.718.940.812
Lợi nhuận được chia	168.000.000	168.000.000
Cộng	54.583.677.159	48.230.131.942

4. Chi phí tài chính:

	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022
Chi phí lãi tiền vay	27.714.861.266	15.571.473.413
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	15.008.228.255	10.040.205.644
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.203.575.603	12.304.206.988
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	296.709.522
Cộng	48.926.665.124	38.212.595.567

5. Chi phí bán hàng:

	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022
Chi phí nhân viên	6.813.876.000	5.705.733.617
Chi phí vật liệu, bao bì	529.650.223	566.761.532
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.765.245.360	1.040.795.312
Chi phí khấu hao TSCĐ	703.640.102	729.710.901
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.645.059.505	85.056.623.902
Chi phí bằng tiền khác	10.798.862.499	10.701.332.530
Cộng	63.256.333.689	103.800.957.794

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Chi phí quản lý doanh nghiệp:**

	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022
Chi phí nhân viên	63.149.408.582	58.223.817.930
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.492.805.130	1.936.481.644
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.100.693.560	7.382.046.438
Thuế, phí và lệ phí	6.461.658.827	9.218.177.789
Chi phí dự phòng khó đòi	(2.016.383.215)	176.297.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.871.075.978	16.077.440.021
Chi phí bằng tiền khác	20.763.923.395	22.241.833.279
Cộng	114.823.182.257	115.256.094.101

7. Thu nhập khác:

	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	315.626.873	817.355.589
Các khoản thu khác	6.184.188.105	3.987.329.486
Cộng	6.499.814.978	4.804.685.075

8. Chi phí khác:

	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022
Các khoản chi khác	5.249.403.496	1.034.099.338
Cộng	5.249.403.496	1.034.099.338

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:

	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.732.751.975.030	1.960.108.453.029
Chi phí nhân công	943.201.015.072	1.087.621.746.792
Chi phí khấu hao TSCĐ	93.267.132.557	95.379.438.326
Chi phí dịch vụ mua ngoài	436.005.873.671	536.634.820.140
Cộng	3.205.225.996.330	3.679.744.458.287

10. Báo cáo bộ phận:

Một bộ phận là một phần không thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác .

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

a) Bộ phận theo vùng địa lý

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Tổng công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

Tổng công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Trung Quốc
- Hoa Kỳ
- Thụy Điển
- Nhật Bản
- Châu Phi
- Việt Nam
- Các vùng địa lý khác

Đơn vị tính: 1.000 đồng

	Trung Quốc		Hoa Kỳ		Thụy Điển		Nhật Bản		Châu Phi		Việt Nam		Các vùng địa lý khác		Hợp nhất	
	9T2023	9T2022	9T2023	9T2022	9T2023	9T2022	9T2023	9T2022	9T2023	9T2022	9T2023	9T2022	9T2023	9T2022	9T2023	9T2022
Tổng doanh thu của bộ phận	1.163.654.559	1.144.584.032	752.472.222	797.437.088	281.725.742	386.141.277	422.246.874	383.497.378	101.391.219	287.003.488	163.443.217	321.586.116	697.152.403	656.164.236	3.582.086.236	3.976.413.613
Kết quả kinh doanh của bộ phận	83.917.792	78.779.109	93.137.116	81.225.726	18.238.391	20.365.857	35.979.553	28.443.255	4.763.226	61.324.949	67.670.762	114.963.540	40.166.925	80.107.697	343.873.763	465.210.135
Thu nhập không phân bổ															56.632.220	49.058.669
Chi phí không phân bổ															227.006.181	257.269.647
Kết quả từ hoạt động kinh doanh															173.499.802	256.999.157
Thu nhập khác															6.499.815	4.804.685
Chi phí khác															5.249.403	1.034.099
Thuế TNDN															33.627.666	46.610.647
Lợi nhuận thuần sau thuế															141.122.549	214.159.095

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

b) Bộ phận theo hoạt động kinh doanh

Tổng công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong hai lĩnh vực kinh doanh là:

- * May mặc
- * Sợi

	Đơn vị tính: 1.000 đồng							
	May mặc		Sợi		Loại trừ nội bộ		Hợp nhất	
	9T 2023	9T 2022	9T 2023	9T 2022	9T 2023	9T 2022	9T 2023	9T 2022
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	2.880.707.969	3.009.110.357	701.378.267	967.303.256	-	-	3.582.086.236	3.976.413.613
Doanh thu giữa các bộ phận	109.904.500	98.232.313	20.443.396	54.796.127	(130.347.896)	(153.028.440)	-	-
Tổng doanh thu của bộ phận	2.990.612.469	3.107.342.670	721.821.663	1.022.099.383	(130.347.896)	(153.028.440)	3.582.086.236	3.976.413.613
Kết quả kinh doanh của bộ phận	326.797.461	309.532.837	17.076.302	155.677.298	-	-	343.873.763	465.210.135
Doanh thu tài chính							54.583.677	48.230.132
Chi phí tài chính							48.926.665	38.212.596
Phần lãi trong công ty liên kết							2.048.543	828.538
Chi phí không phân bổ							178.079.516	219.057.051
Kết quả hoạt động khác không phân bổ							1.250.411	3.770.586
Lợi nhuận trước thuế không phân bổ							174.750.214	260.769.742
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							28.210.533	46.610.647
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							5.417.133	-
Lợi nhuận thuần sau thuế							141.122.548	214.159.095

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 (tiếp theo)

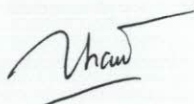
Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

	May mặc		Sợi		Hợp nhất	
	30/09/2023	01/01/2023	30/09/2023	01/01/2023	30/09/2023	01/01/2023
Tài sản của bộ phận phân bổ	1.499.607.528	1.623.072.965	427.089.357	546.423.217	1.926.696.885	2.169.496.182
Giá trị còn lại của tài sản không phân bổ					564.418.766	225.166.365
Tổng tài sản					2.491.115.651	2.394.662.547
Nợ phải trả của bộ phận phân bổ	1.047.577.362	940.381.827	242.409.016	295.337.031	1.289.986.378	1.235.718.858
Các khoản nợ không phân bổ					319.983.590	274.421.385
Tổng nợ phải trả					1.609.969.968	1.510.140.243

	May mặc		Sợi		Hợp nhất	
	30/09/2023	01/01/2023	30/09/2023	01/01/2023	30/09/2023	01/01/2023
Chi tiêu vốn					55.779.514	136.921.453
Khấu hao tài sản cố định hữu hình					92.609.384	126.342.117
Khấu hao tài sản cố định vô hình					592.041	788.431

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Anh Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tường Long

Đà Nẵng, Ngày 20 tháng 10 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hải